

129/138

HYDRITE (Hương chuối) Thuốc bột
Hộp 100 gói x 4,1 gam

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT
 Lần đầu: 18/01/2018

Handwritten mark





PM Code

Số lô SX / Lot #: NSX / Mfg. date: HD / Exp. date:

17 x 23 mm

Hương Chuối

Hydrite
CƠ BỘT BÙ MUỐI - NƯỚC BẰNG ĐƯỜNG UỐNG



Box of 30 sachets

Hydrite®
GRANULE ORAL REHYDRATION SALTS

Banana Flavor

30 sachets x 4.1 grams

Hydrite®

GRANULE ORAL REHYDRATION SALTS

FORMULATION		Electrolyte concentration provided in 1 sachet Hydrite/200 ml water		Recommended by WHO/UNICEF	
Each sachet contains:					
Sodium Chloride	520 mg	Potassium Chloride	20 mmol/l	Sodium	75 mmol/l
Trisodium Citrate Dihydrate	500 mg	Citrate	65 mmol/l	Chloride	20 mmol/l
Potassium Chloride	300 mg	Glucose, Anhydrous	2.7 g	Citrate	65 mmol/l
				Glucose	10 mmol/l
					75 mmol/l

Banana Flavor

Manufactured by UNITED INTERNATIONAL PHARMA CO., LTD.
WHO-GMP, GLP, GSP
No.16 VSIP II, Street No.7, Vietnam-Singapore II Industrial Park,
Hoa Phu Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province, Vietnam
®Registered trademark of Westmont Pharmaceuticals, Inc.

Indications, Dosage, Contraindications and other information, please refer to the package insert.

Store at dry place, temperatures not exceeding 30°C.

KEEP THE PRODUCT OUT OF REACH OF CHILDREN.

READ THE PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.



30 gói x 4,1 gam

Hydrite®

GÓI BỘT BÙ MUỐI - NƯỚC BẰNG ĐƯỜNG UỐNG

CÔNG THỨC		Nồng độ điện giải tương đương trong 1 gói Hydrite/200 ml		Khuyến cáo mới nhất của WHO/UNICEF	
Mỗi gói chứa:					
Natri Clorid	520 mg	Kali	20 mmol/l	Natri	75 mmol/l
Natri Citrat	500 mg	Clorid	65 mmol/l	Kali	20 mmol/l
Clorid	300 mg	Glucose	2.7 g	Citrat	65 mmol/l
Glucose khan	2.7 g			Clorid	10 mmol/l
				Glucose	75 mmol/l

Hương Chuối

Sản xuất tại CÔNG TY TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA
WHO-GMP, GLP, GSP
Số 16 VSIP II, Đường số 7, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II,
Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
®Đã đăng ký nhãn hiệu: Westmont Pharmaceuticals, Inc.

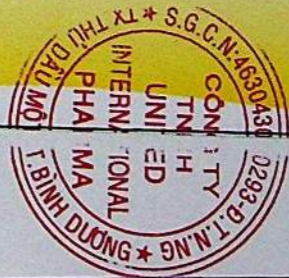
Chỉ định, Liều dùng, Chống chỉ định và các thông tin khác, xin xem toa hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản nơi khô, ở nhiệt độ không quá 30°C.

ĐỂ XA TẮM TAY TRẸ EM.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.


SDK:



HYDRITE (Hương chuối) Thuốc bột
Hộp 30 gói x 4,1 gam

HYDRITE (Hương chuối) Thuốc bột

Bìa kẹp 2 gói x 4,1 gam



Hydrite®

GRANULE ORAL REHYDRATION SALTS

FORMULATION

Each sachet contains:	Electrolyte concentration provided in 1 sachet Hydrite/200 ml water	Recommended by WHO/UNICEF
Sodium Chloride ... 520 mg	Sodium ... 75 mmol/l	75 mmol/l
Potassium Chloride ... 300 mg	Potassium ... 20 mmol/l	20 mmol/l
Trisodium Citrate Dihydrate ... 580 mg	Chloride ... 65 mmol/l	65 mmol/l
Glucose, Anhydrous ... 2.7 g	Citrate ... 10 mmol/l	10 mmol/l
	Glucose ... 75 mmol/l	75 mmol/l

Manufactured by UNITED INTERNATIONAL PHARMA CO., LTD.
WHO-GMP, GLP, GSP
No. 16 VSIP II, Street No. 7, Vietnam-Singapore II Industrial Park,
Hoa Phu Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province, Vietnam
®Registered trademark of Westmont Pharmaceuticals, Inc.

Banana Flavor



Hydrite®

2 gói x 4,1 gam

THEO KHUYẾN CÁO CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI

INDICATIONS
This medicine is used in the treatment of children and adults with dehydration due to diarrhea, vomiting, fever or other causes.

DOSAGE / INSTRUCTION FOR USE


I. DEHYDRATION DUE TO DIARRHEA
Direction: Dissolve the contents of one sachet in one glass (200 ml) of clean drinking water.

- TO PREVENT DEHYDRATION (TREATMENT PLAN A)
Average dose 10 ml/kg is given after every watery stool.
- TO TREAT DEHYDRATION (TREATMENT PLAN B)
Average dose 75 ml/kg is given in first 4 hours. After 4 hours: reassess the patient and select the appropriate treatment plan.

II. DEHYDRATION NOT DUE TO DIARRHEA
Give frequent sips of reformulated Hydrite solution as much as the patient wants in cases of high fever, anorexia and vomiting in burn patients.

CONTRAINDICATIONS
Allergic to any component of the product, glucose malabsorption, acute renal failure, obstruction, paralysis and perforation of intestine.

STORAGE
Store at dry place, temperatures not exceeding 30°C.
KEEP THE PRODUCT OUT OF REACH OF CHILDREN.
READ THE PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.



Hydrite®

GÓI BỘT BÙ MUỐI - NƯỚC BẰNG ĐƯỜNG UỐNG

CÔNG THỨC

Mỗi gói chứa:	Nồng độ điện giải tương đương trong 1 gói Hydrite/200 ml nước	Khuyến cáo mỗi lít của WHO/UNICEF
Natri Chlorid ... 520 mg	Natri ... 75 mmol/l	75 mmol/l
Kali Chlorid ... 300 mg	Kali ... 20 mmol/l	20 mmol/l
Tri-natri Citrat ... 580 mg	Clorid ... 65 mmol/l	65 mmol/l
Glucose khan ... 2,7 g	Citrat ... 10 mmol/l	10 mmol/l
	Glucose ... 75 mmol/l	75 mmol/l

Sản xuất tại CÔNG TY TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA
WHO-GMP, GLP, GSP
Số 16 VSIP II, Đường số 7, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II,
Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
®Đăng ký nhãn hiệu: Westmont Pharmaceuticals, Inc.

Hương Chuối



Hydrite®

2 sachets x 4,1 grams

WHO RECOMMENDED

Số 16 SX/ Lot #: _____
NSX/ Mfg. date: _____
HD/ Exp. date: _____
17 x 23 mm

CHỈ ĐỊNH
Dùng trong điều trị mất nước ở trẻ em và người lớn do tiêu chảy, nôn mửa, sốt cao, hoặc do nguyên nhân khác.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH CHẤY
L. MẤT NƯỚC DO TIÊU CHẢY
Hương chuối: Pha 1 gói vào 1 ly 200 ml nước đun sôi để nguội.
• PHÒNG NGỪA MẤT NƯỚC (PHÁC ĐỒ A)
Liều trung bình 10 ml/kg sau mỗi lần đi tiêu phân lỏng.
• ĐIỀU TRỊ MẤT NƯỚC (PHÁC ĐỒ B)
Liều trung bình 75 ml/kg trong 4 giờ đầu. Sau 4 giờ, đánh giá lại bệnh nhân và chọn phác đồ điều trị thích hợp.

LIỀU DÙNG DICH Hydrite từng ngụm theo khả năng trong các trường hợp trẻ sốt cao; ăn uống kém trong lúc bị bệnh; mất nước KHÔNG DO TIÊU CHẢY

CHỐNG CHỈ ĐỊNH
nôn ói, bệnh.

ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÁC SẮN PHẨM, THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ
Dùng với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm, từ loại dung nạp glucose, máy phân cấp, lọc nước, bình nước, bình đun.

ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÁC SẮN PHẨM
Bảo quản nơi khô, ở nhiệt độ không quá 30°C.

ĐẶC XA TÀI TÀI EM
ĐẶC K? HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

PM Code

UNITED INTERNATIONAL PHARMA
MỘT-T. BÌNH DƯƠNG

UÂN

HYDRITE (Hương chuối) Thuốc bột

Gói x 4,1 gam

Sachet
(50 x 100 mm)

CÔNG THỨC

Mỗi gói chứa:	620 mg
Natri Clorid	580 mg
Natri Citrate	300 mg
Kali Clorid	300 mg
Glucose khan	2,7 g

CHỈ ĐỊNH
Dùng trong điều trị mất nước ở trẻ em và người lớn do tiêu chảy, nôn mửa, sốt cao, hoặc do nguyên nhân khác.


LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG
Pha 1 gói vào 1 ly 200 ml nước đun sôi để nguội.

- PHÒNG NGỪA MẤT NƯỚC (PHÁC ĐỘ A)
Liều trung bình 10 ml/kg sau mỗi giờ tiêu chảy nặng.
- ĐIỀU TRỊ MẤT NƯỚC (PHÁC ĐỘ B)
Liều trung bình 75 ml/kg trong 4 giờ đầu tiên. Sau 4 giờ, đánh giá lại bệnh nhân và chọn phác đồ điều trị thích hợp.

Chống chỉ định và các thông tin khác, xin xem tờ hướng dẫn sử dụng.

Số lô SX/ Lot #: _____
HD/ Exp. date : _____

4,1 gam



Hydrite®

GÓI BỘT BÙ MUỐI - NƯỚC BẰNG ĐƯỜNG ƯỚNG

Khuyến cáo mỗi gói của WHO/UNICEF

Natri	75 mmol/l
Kali	20 mmol/l
Citrate	65 mmol/l
Glucose	10 mmol/l
	75 mmol/l

Sản xuất tại CÔNG TY TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA
WHO-GMP, GLP, GSP
Số 76 VSP II, Đường số 7, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II,
Đông Hòa Phú, Thị trấn Phú Thọ Cầu Mới, Tân Bình Dương, Việt Nam
®Đang ký nhãn hiệu. Westmont Pharmaceuticals, Inc.



Hydrite®

GÓI BỘT BÙ MUỐI - NƯỚC BẰNG ĐƯỜNG UỐNG

THEO KHUYẾN CÁO CỦA TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI

CÔNG THỨC

Mỗi gói chứa: Natri Clorid _____ 520 mg
 Natri Citrate _____ 580 mg
 Kali Clorid _____ 300 mg
 Glucose khan _____ 2,7 g

Tá dược: Saccharin Sodium, hương chuối.

Nồng độ điện giải tương đương trong: 1 gói Hydrite/ 200 ml Khuyến cáo mỗi nhất của WHO/UNICEF

Natri _____	75 mmol/l	_____	75 mmol/l
Kali _____	20 mmol/l	_____	20 mmol/l
Clorid _____	65 mmol/l	_____	65 mmol/l
Citrate _____	10 mmol/l	_____	10 mmol/l
Glucose _____	75 mmol/l	_____	75 mmol/l

Công thức trên phù hợp với khuyến cáo mỗi nhất của WHO (Tổ chức y tế thế giới) và UNICEF (Quý Nhi Đồng Liên Hiệp Quốc) về dung dịch bù nước bằng đường uống.

CHỈ ĐỊNH

Dùng trong điều trị mất nước do tiêu chảy ở trẻ em và người lớn.

Dùng để thay thế nước và chất điện giải mất trong các bệnh tiêu chảy cấp, nôn mửa, sốt cao, hay tiêu hao do chuyển hóa như khi luyện tập nặng nhọc và chơi thể thao.

LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG

I. MẤT NƯỚC DO TIÊU CHẢY:

A. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ MẤT NƯỚC

1. Các dấu hiệu lâm sàng a) Nhìn Tổng trạng Mắt Nước mắt Miệng và lưỡi Khát nước	Khô, tỉnh táo Bình thường Có Ấm ướt Không khát, uống bình thường	<u>Vật vã, kích thích</u> Trùng Không có Khô <u>Khát, uống hào hứng</u>	<u>Hôn mê hay ngủ lịm</u> Rất trùng và khô Không có Rất khô <u>Uống kém hoặc không uống được</u>
	b) Sờ Nếp véo da	Trở lại bình thường nhanh	<u>Trở lại bình thường chậm</u> <u>Trở lại bình thường rất chậm (> 2 giây)</u>
2. Kết luận	Bệnh nhân không có dấu hiệu mất nước	Nếu bệnh nhân có 2 dấu hiệu trở lên, trong đó có ít nhất 1 dấu hiệu có gạch dưới, xếp loại có mất nước	Nếu bệnh nhân có 2 dấu hiệu trở lên, trong đó có ít nhất 1 dấu hiệu có gạch dưới, xếp loại mất nước nặng
3. Phác đồ điều trị	Dùng Hydrite để phòng ngừa mất nước theo Phác đồ điều trị A (có thể điều trị tại nhà)	Dùng Hydrite để điều trị mất nước theo Phác đồ điều trị B (hỏi ý kiến bác sĩ)	Bệnh nhân cần nhập viện ngay để nhanh chóng bù nước qua đường tĩnh mạch theo Phác đồ điều trị C

B. UỐNG BÙ NƯỚC

Hướng dẫn: Pha 1 gói vào 1 ly 200 ml nước đun sôi để nguội.

• PHÒNG NGỪA MẤT NƯỚC (PHÁC ĐỒ A)

Cho bệnh nhân uống dung dịch Hydrite® càng nhiều càng tốt theo khả năng cho đến khi ngừng tiêu chảy.

Liều trung bình 10 ml/kg, nhân trọng lượng bệnh nhân (kg) với 10 ml để được thể tích trung bình (ml) của dung dịch Hydrite® cần bù sau mỗi lần đi tiêu phân lỏng.

Cho thêm các loại dịch khác chẳng hạn như nước đun sôi để nguội, nước cơm, canh rau, súp thịt gà, nước dừa tươi, yaourt (sữa chua), nước ép trái cây (không thêm đường).

TIẾP TỤC ĂN NẾU DUNG NẠP TỐT. TIẾP TỤC CHO BÚ.

Hương Chuối



PHÒNG QUẢN THUỐC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

• ĐIỀU TRỊ MẤT NƯỚC (PHÁC ĐỒ B)

(Bù mất nước từ nhẹ đến vừa)

Liều trung bình 75 ml/kg, nhân trọng lượng bệnh nhân (kg) với 75 ml để được thể tích trung bình (ml) của dung dịch Hydrite® cần cho trong 4 giờ đầu.

Tiếp tục cho ăn, bú ngay cả trong lúc thực hiện biện pháp bù nước.

Sau 4 giờ, đánh giá lại bệnh nhân dựa trên bảng đánh giá mức độ mất nước và chọn phác đồ điều trị thích hợp.

- Nếu không còn dấu hiệu mất nước, chuyển sang Phác đồ A.

- Nếu còn các dấu hiệu mất nước, lập lại Phác đồ B và tiếp tục đánh giá lại bệnh nhân thường xuyên.

Nếu xuất hiện các dấu hiệu mất nước nặng, chuyển bệnh nhân đến bệnh viện ngay để khẩn cấp bù nước qua đường tĩnh mạch (Phác đồ điều trị C).

Tuy nhiên, trường hợp bất thường này chỉ xảy ra khi bệnh nhân không uống được hoặc uống rất ít dung dịch Hydrite® đồng thời tiêu chảy nhiều và liên tục.

Sau khi hoàn tất quá trình bù nước, nếp véo da sẽ trở lại bình thường, bệnh nhân bớt khát nước, đi tiểu được và không bị kích thích vật vã nữa.

TIẾP TỤC CHO ĂN, CHO BÚ NHƯ BÌNH THƯỜNG (NẾU DUNG NẠP TỐT) SAU 4 GIỜ ĐẦU BÙ NƯỚC.

II. MẤT NƯỚC KHÔNG DO TIÊU CHẢY:

Uống dung dịch Hydrite® từng ngụm theo khả năng trong các trường hợp sau:

- Trẻ sốt cao, sốt xuất huyết (độ I, II, III nếu bé uống được), kém ăn uống trong lúc bị bệnh, nôn ói, bông.

- Để đề phòng mất nước và điện giải trong khi hoạt động thể lực (như vận động viên, những người làm việc lâu trong môi trường nắng nóng...).

CHỐNG CHỈ ĐỊNH

- Dị ứng với bất kỳ thành phần nào của sản phẩm hoặc nếu bạn bị rối loạn dung nạp glucose.

- Suy thận cấp.

- Tắc ruột, liệt ruột, thủng ruột.

THẬN TRỌNG

- Cần tuân theo đúng cách pha và lượng dung dịch cho uống như đã đề nghị tùy theo cân nặng và/hoặc lứa tuổi bệnh nhân và mục đích sử dụng (phòng ngừa hoặc điều trị mất nước) để tránh thấp liều hay quá liều.

- Pha gói Hydrite® ngay trước khi dùng. Nếu không để tủ lạnh, 1 giờ sau khi pha, dung dịch còn thừa nên đổ bỏ. Nếu để tủ lạnh, dung dịch Hydrite® pha xong có thể được giữ để uống trong 24 giờ, sau đó thì không nên dùng nữa.

- Dùng nước nguội để pha gói Hydrite®. Sau khi pha không bao giờ đun sôi dung dịch Hydrite®.

TÁC DỤNG PHỤ

Không có tác dụng phụ nếu theo đúng cách pha, thể tích nước pha và cho uống dung dịch đúng liều lượng.

Xin thông báo cho bác sĩ biết các tác dụng không mong muốn trong khi dùng thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Triệu chứng quá liều bao gồm tăng natri huyết (hoa mắt, chóng mặt, tim đập nhanh, tăng huyết áp, đau đầu, sốt cao...) khi uống dung dịch Hydrite® đậm đặc và triệu chứng thừa nước (mi mắt húp nặng, phù toàn thân, suy tim).

Điều trị tăng natri huyết: truyền tĩnh mạch chậm dung dịch nhược trương và cho uống nước.

Điều trị thừa nước: ngừng cho uống dung dịch Hydrite® và dùng thuốc lợi tiểu nếu cần.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Thuốc này không tương tác với thức ăn hoặc thuốc khác. Nên báo cho bác sĩ biết các thuốc bạn đang dùng.

TRÌNH BÀY

Hộp 30 gói, hộp 100 gói, bìa kẹp 2 gói.

BẢO QUẢN

Bảo quản nơi khô, ở nhiệt độ không quá 30°C.

HẠN DÙNG

24 tháng kể từ ngày sản xuất.

ĐỂ XA TÂM TAY TRẺ EM.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.

NẾU CẦN THÊM THÔNG TIN, XIN HỎI Ý KIẾN BÁC SĨ.

Sản xuất tại
CÔNG TY TNHH UNITED INTERNATIONAL PHARMA
 WHO-GMP, GLP, GSP
 Số 16 VSIP II, Đường số 7, Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore II,
 Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Đức Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
 ©Đăng ký nhãn hiệu: Westmont Pharmaceuticals, Inc.



Hydrite®

GRANULE ORAL REHYDRATION SALTS



WHO RECOMMENDED

FORMULATION

Each sachet contains:	Sodium Chloride	520 mg	
	Trisodium Citrate Dihydrate	580 mg	
	Potassium Chloride	300 mg	
	Glucose, Anhydrous	2.7 g	
Excipient:	Saccharin Sodium, banana flavor.		
Electrolyte concentration provided in: 1 sachet Hydrite/200 ml water	Recommended by WHO/UNICEF		
	Sodium	75 mmol/l	75 mmol/l
	Potassium	20 mmol/l	20 mmol/l
	Chloride	65 mmol/l	65 mmol/l
	Citrate	10 mmol/l	10 mmol/l
	Glucose	75 mmol/l	75 mmol/l

This medicine conforms to the reduced osmolarity glucose-based oral rehydration salts recommended by WHO/UNICEF, the standardised method for treating dehydration and electrolytes loss.

INDICATIONS

This medicine is used in the treatment of children and adults with dehydration due to diarrhea. This medicine replaces fluid and electrolytes lost due to acute diarrhea, vomiting, fever and increased metabolic expenditure as in vigorous exercises and athletics.

DOSAGE / INSTRUCTION FOR USE

I. DEHYDRATION DUE TO DIARRHEA

A. ASSESSMENT OF THE DEGREE OF DEHYDRATION

1. Clinical markers a) Look at Condition Eyes Tears Mouth and Tongue Thirst b) Feel Skin Pinch	Well, alert Normal Present Moist Not thirsty, drinks normally Goes back quickly	<u>Restless, Irritable</u> Sunken Absent Dry <u>Thirsty, drinks eagerly</u> <u>Goes back slowly</u>	<u>Lethargic or unconscious or floppy</u> Very sunken and dry Absent Very dry <u>Drinks poorly, or not able to drink</u> <u>Goes back very slowly (>2 seconds)</u>
2. Conclusion	The patient has no signs of dehydration	If the patient has two or more signs, including at least one of the underline signs, there is some dehydration	If the patient has two or more signs, including at least one of the underline signs, there is severe dehydration
3. Treatment plan	Use Hydrite to prevent dehydration according to Treatment Plan A (can be treated at home)	Use Hydrite to treat dehydration according to Treatment Plan B (consult a doctor or health care worker)	Patient requires urgent hospitalization and rapid intravenous rehydration according to Treatment Plan C

B. ORAL REHYDRATION

Direction: Dissolve the contents of one sachet in one glass (200 ml) of clean drinking water.

- TO PREVENT DEHYDRATION (TREATMENT PLAN A)

Give as much fluid as the patient wants until diarrhea stops. Average dose is 10 ml/kg, one can multiply the patient's weight (in kg) by 10 ml to obtain the approximate volume (in ml) of this Hydrite solution to be given after every watery stool. Give other suitable fluids including plain clean water, rice water, vegetable or chicken soup, green coconut water, yoghurt drink, fresh fruit juice (unsweetened).
CONTINUE USUAL FEEDING AS TOLERATED. CONTINUE BREASTFEEDING.

- TO TREAT DEHYDRATION (TREATMENT PLAN B)

(To replace mild to moderate fluid loss)
 Average dose is 75 ml/kg, one can multiply the patient's weight (in kg) by 75 ml to obtain the approximate volume (ml) of this reduced osmolarity Hydrite solution to be given in the first 4 hours. Continue feeding, breastfeeding even during the initial rehydration period. After 4 hours, reassess the patient using the assessment chart and select the appropriate treatment plan.
 - If there are no signs of dehydration, shift to Treatment Plan A.
 - If signs indicating some dehydration are still present, repeat Treatment Plan B and continue to reassess the patient frequently.
 - If signs of severe dehydration have appeared, bring the patient to the hospital immediately for urgent intravenous rehydration (Treatment Plan C). For this to happen is unusual, however, occurring only in children who drink Hydrite poorly and pass large watery stools frequently during the period.
 When rehydration is complete, skin pinch is normal, thirst subsides, urine is passed, and the patient is no longer irritable.
CONTINUE USUAL FEEDING, BREASTFEEDING AS TOLERATED, AFTER THE INITIAL 4 - HOUR REHYDRATION PERIOD.

II. DEHYDRATION NOT DUE TO DIARRHEA

Give frequent sips of Hydrite solution as much as the patient wants
 - High fever, dengue fever (I, II, III grade if oral route is possible), anorexia and vomiting, burn patients.
 - To prevent dehydration during physical activity (athlete, person who works long hours in hot environments...).

CONTRAINDICATIONS

- Allergic to any component of the product or if you have glucose malabsorption.
- Acute renal failure.
- Obstruction, paralysis and perforation of intestine.

PRECAUTIONS

- Follow directions for dilution and recommended amount of this reduced osmolarity Hydrite solution according to weight and/or age of patient and intended use (prevention or treatment of dehydration) to avoid underdosing or overdosing.
- This reduced osmolarity Hydrite granules in sachet should be made into solution immediately before use. If not refrigerated, discard any remaining solution an hour after constitution. If refrigerated, the constituted solution can be kept for 24 hours after which it should no longer be used.
- Use cool drinking water for reconstituting Hydrite sachet. Once reconstituted, Hydrite solution should never be boiled.

SIDE EFFECTS

There are no side effects if the recommended dilution, volume of solution to be administered and dosing are followed. Please inform the doctor if there is any side effect during treatment.

OVERDOSE AND TREATMENT

Hypernatremia may result from overdose in administration of too concentrated of Hydrite, symptoms include hypernatremia (dizziness; fast heartbeat; high blood pressure; irritability; high fever; ...) and symptoms of overhydration (puffy eyelids, whole body edema, heart failure). Hypernatremia is treated with low infusion rate of hypotonic solutions and providing free water orally. Treatment of overhydration: Hydrite needs to be discontinued and diuretic therapy if necessary.

DRUG INTERACTIONS

This medicine is not expected to interact with food or other medicines. Consult your doctor if you are taking any other medicine.

SUPPLY

Box of 30 sachets, box of 100 sachets, envopack of 2 sachets.

STORAGE

Store at dry place, temperatures not exceeding 30°C.

SHELF - LIFE

24 months from manufacturing date.

**KEEP THE PRODUCT OUT OF REACH OF CHILDREN.
 READ THE PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.
 FOR MORE INFORMATION, PLEASE ASK FOR DOCTOR'S ADVICE.**

Manufactured by
UNITED INTERNATIONAL PHARMA CO., LTD.
 WHO-GMP, GLP, GSP
 No.16 VSIP II, Street No.7, Vietnam-Singapore II Industrial Park,
 Hoa Phu Ward, Thu Dau Mot City, Binh Duong Province, Vietnam
 ®Registered trademark of Westmont Pharmaceuticals, Inc.